

Phụ lục kèm theo thư mời cung cấp thông tin

BẢNG YÊU CẦU KỸ THUẬT MUA SẮM THIẾT BỊ Y TẾ NĂM 2023

I. Yêu cầu chung:

1. Năm sản xuất: 2021 – 2023
2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FSC.
3. Nhiệt độ, độ ẩm môi trường: 10 - 40°C; 30 -85%
4. Nguồn điện: 220 – 240V/ 50Hz ; 380V/ 50Hz
5. *Nhóm thiết bị theo TT 14/2020: (Tùy theo từng thiết bị)*
6. Hàng mới 100%
7. Giấy chứng nhận: CO; CQ.
8. Giấy đăng ký lưu hành.

II. Yêu cầu cấu hình, thông số kỹ thuật:

TT	Tên trang thiết bị y tế	Chủng loại	Cấu hình tính năng kỹ thuật	Hãng/ nước sản xuất	Hãng/ Nước chủ sở hữu	Phân nhóm (TT 14)	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Số lượng			
1/	Hệ thống điều trị oxy cao áp (Buồng Oxy cao áp)	SHC90 0GD	Cấu hình tiêu chuẩn: Trang bị chính trong buồng: - 01 Chiếc : Giường kéo 650 x 2000mm - 01 Bộ: Ga giường 100% cotton chống tĩnh điện - 01 Bộ: Đầu phun làm ẩm - 01 Bộ: Kẹp dẫn tĩnh điện cho người bệnh - 01 Chiếc: Đầu cảm ứng nhiệt độ - 01 Chiếc: Điều hoà Trang bị ngoài buồng: - 01 Bộ : Bàn điều khiển: Cố định bên ngoài thân buồng - 01 Bộ : khoá chặt cửa bằng áp lực - 01 Bộ : Micro, loa - 02 Chiếc: Van an toàn - 05 Bộ: Cửa sổ quan sát lấy ánh sáng	Shanghai 701 YangYuan Hyperbaric Oxygen Chamber Co., Ltd/ Trung Quốc	Shanghai 701 YangYuan Hyperbaric Oxygen Chamber Co., Ltd/ Trung Quốc			Hộp /Hệ thống	01			

			<ul style="list-style-type: none"> - 01 Bộ: Đèn chiếu sáng vào trong buồng - 01 Bộ: Van xả áp khẩn cấp - 01 Bộ : Tích điện UPS <p>Trang bị bàn điều khiển:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 01 Chiếc : Đồng hồ đo lưu lượng khí vào và ra - Máy đo HBO-2A - 01 Chiếc : Máy đo lưu lượng oxy - 01: Van không chế phun mù làm ẩm trong buồng - 01 Chiếc: Áp lực kế trợ từ tiếp điểm điện (áp suất buồng) 0.4Mpa - 01 Chiếc : Áp lực kế chính xác (trong buồng) 0.4Mpa - 01 Chiếc : Áp lực kế nguồn hơi 1.0 Mpa - 01 Chiếc : Độ ẩm kế <p>Thông số kỹ thuật:</p> <p>Tham số chính buồng Oxy cao áp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Loại điều trị cho 1 bệnh nhân - Kích thước ngoài: 2550mm x 1300mm x 1650mm (Dài x Rộng x Cao) - Kích thước sử dụng: Φ900mm x 2100mm - Dung tích buồng: 1.5 m³ - Trọng lượng: 1500 kg - Áp suất thiết kế: 0.22 MPa; Áp suất làm việc: 0.2 MPa (Vật liệu: làm bằng thép chịu áp lực cao) - Áp suất thiết kế: 0.20 MPa; Áp suất làm việc: 0.16 MPa (Vật liệu: làm bằng kính hữu cơ) - Môi chất làm việc: Oxy y tế - Nhiệt độ thiết kế: Nhiệt độ thông thường <p>Hệ thống</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tốc độ tăng áp suất: 0.004-0.05 Mpa/ Phút (có thể điều chỉnh được) - Tốc độ giảm áp: 0.008 – 0.05 Mpa/ Phút (có thể điều chỉnh được) - Nhiệt độ buồng: 20°C-24°C ±< 2°C - Tiếng ồn trong buồng: ≤ 50db (A) - Công suất vào: Không có nguồn điện vào buồng 									
2	Máy sóng xung kích trị	PhysioImpact-	<p>CẤU HÌNH CƠ BẢN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính 01 chiếc 	Physiomed Elektromediz	Physiomed Elektromediz				01			

	liệu	Expert	<ul style="list-style-type: none"> - Tay cầm điều trị 01 chiếc - Đầu điều trị 4 kích cỡ 04 Chiếc - Gel tiếp xúc 01 lọ - Cáp nguồn cung cấp 01 Chiếc - Tài liệu HDSD, bảo dưỡng Anh + Việt 01 Bộ <p>THÔNG SỐ KỸ THUẬT:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều khiển vi xử lý. - Điều trị bằng sóng xung kích dạng xung áp suất cơ học. - Thiết bị kèm theo 4 đầu phát có kích cỡ khác nhau. - Năng lượng xung kích lên tới 0.72 mj/mm2 - Tần số xung: 1 – 22Hz - Màn hình hiển thị cảm ứng màu 12,1 inch. - Đầu điều trị với tay cầm đảm bảo tới 2.000.000 lần shock. - Phần mềm lưu trữ sẵn 55 phác đồ điều trị các bệnh lý thông dụng. - Phác đồ điều trị có hỗ trợ hiển thị hình ảnh minh hoạ định dạng 3D vùng điều trị. - Chương trình điều trị do người sử dụng tự lưu vào máy với dữ liệu bệnh nhân. - Áp suất cao tới 6,9 bar - Giao diện làm việc máy tính thể hệ mới. <p>Tiêu chuẩn an toàn: Cấp I, kiểu BF</p>	in AG /Đức	in AG /Đức							
3	Máy X-quang	EXS-52R	<p>Cấu hình tiêu chuẩn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bóng X Quang: 01 chiếc - Máy phát cao thế: 01 chiếc - Cột mang bóng: 01 chiếc - Bảng điều khiển cột bóng: 01 cái - Bàn bệnh nhân: 01 chiếc 	Ecotron Co.,Ltd / Hàn Quốc	Ecotron Co.,Ltd / Hàn Quốc			Hộp/ cái	01			

		<ul style="list-style-type: none"> - Cột chụp đứng: 01 chiếc - Bộ chuẩn trực: 01 bộ - Tấm nhận ảnh: 01 bộ - Trạm xử lý hình ảnh: 01 bộ - Bảng điều khiển tia X: 01 chiếc - Máy in phim: 01 cái - Hướng dẫn sử dụng tiếng Anh, tiếng Việt: 01 bộ <p><u>Thông số kỹ thuật:</u></p> <p>Thông số chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguồn điện: 3 pha, 380V, 52kW, 50/60 Hz <p>Bóng X-quang</p> <ul style="list-style-type: none"> - Model: E7252X - Tiêu điểm bóng: 0.6 / 1.2 mm - Điện thế hoạt động: 40-150 KVP - Góc phát tia: 12° - Khả năng trữ nhiệt của anode: 300 kHU - Khả năng trữ nhiệt của đầu đèn: 1250 kHU - Tốc độ làm mát của anode: 667 HU/s - Bộ lọc tia: 0.9 mm Al @75kV - Bóng Anode quay - Tốc độ quay: 2700 rpm /50Hz, 3200 rpm/60 Hz. <p>Máy phát X-quang</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công suất: 640mA@81kV <li style="padding-left: 20px;">500mA@104kV <li style="padding-left: 20px;">400mA@130kV <li style="padding-left: 20px;">320mA@150kV - Điện thế tối đa: 150kVp - Dòng tối đa: 640 mA - Công suất: 52kW - Phương pháp: cao tần (30kHz) - Dải kV: 40 – 150kV, bước chuyển 1kV - Dải mA: 10 - 640 mA - Dải thời gian: 1ms-10s - Dải mAs: 0.1 ~ 500 mAs - Độ chính xác: <ul style="list-style-type: none"> + kV < ± (3%+1kV) + mA < ± (5%+1mA) + Time < ± (1%+1ms) 								
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

		<ul style="list-style-type: none"> + mAs: $< \pm (3\% + 1\text{mAs})$ - Hệ số phương sai phát sinh: <ul style="list-style-type: none"> + kV: < 0.005 + Thời gian: < 0.005 + mAs: < 0.01 <p>Bộ chuẩn trực</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp: điều khiển tay - Kiểu: Hình chữ nhật - Cửa mở tối đa: 48 cm x 48 cm (SID 100 cm) - Cường độ sáng: 280-160 LUX tại SID 100cm - Bảo vệ bức xạ: ít hơn 30mr/h tại SID 100cm - Loại đèn: Đèn LED (24V, 1A) tự động tắt sau 30 giây - Lọc tia: 1.2 mmAl - Cấp cao áp (6m) <p>Bàn bệnh nhân</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểu bàn: Mặt bàn di chuyển được theo 4 hướng - Kích thước bàn: 2200 x 820 x 720 mm (LxWxH) - Cố định vị trí bằng khoá điện từ - Khoảng dịch chuyển trái phải: 900 mm - Khoảng dịch chuyển ra vào: 300 mm - Khoảng dịch chuyển khay bucky: 380mm <p>Cột mang bóng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khóa các dịch chuyển bằng khóa điện từ - Chiều cao của cột: 2190 mm - Khoảng cách từ sàn tới tiêu điểm bóng: tối thiểu 280 mm - tối đa: 1920 mm - Khoảng cách dịch chuyển lên xuống: 1300 mm - Khoảng dịch chuyển trái phải: 1700 mm - Khoảng di chuyển ra vào: 300 mm - Góc quay của cột: 180° - Góc quay của bóng: $\pm 180^\circ$ <p>Cột chụp đứng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểu: Di chuyển lên xuống - Khóa dịch chuyển: Bằng khóa điện từ - Điều chỉnh cân bằng: Phương thức điều chỉnh đối trọng - Chiều cao của cột: 1910 mm - Khoảng di chuyển lên xuống: 1200 mm <p>Tấm nhận ảnh Xquang kỹ thuật số</p>								
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

		<ul style="list-style-type: none"> - Model: 17171SCC - Hãng sản xuất: Rayence Co.,Ltd - Nước sản xuất: Hàn Quốc <p>Thông số kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Loại cảm biến: Amorphous Silicon với TFT - Chất cảm quang: CsI - Diện tích vùng nhận ảnh: 422.7 X 422.7 mm - Độ phân giải: 3.9lp/mm - Tổng số điểm ảnh : 3328 x 3328 pixel - Điểm ảnh hữu dụng: 3268 X 3268 pixel - Kích thước điểm ảnh: 127µm - Chuyển đổi A/D: 14/16 bit - Chuyển dữ liệu: 1Gbps Ethernet - Thời gian xem trước: ≤ 2 giây - Dải cao áp: 40-150kVp - MTF (@1lp/mm): Typ. 59% - DQE (@0.1lp/mm): Typ. 65% - Tải trọng trên toàn bộ bề mặt : 400kg - Tải trọng tại một điểm: 200kg - Chuyển đổi A/D: 14 bit/16 bit - Kích thước (L x W x H): 460x460x15.5 mm - Trọng lượng: 4kg <p>Trạm làm việc kèm màn hình</p> <ul style="list-style-type: none"> - CPU: Corei5 hoặc cao hơn, tốc độ ≥2.6GHz - Hệ điều hành: Windows 7 hoặc cao hơn - Bộ nhớ: Tối thiểu 8GB - Ổ cứng: Tối thiểu 1TB - Card Ethernet: 1G bps - Màn hình: 22 inch (Full HD) <p>Phần mềm XmaruPro với các công cụ xử lý hình ảnh như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tự động thu thập thông tin bệnh nhân và ảnh khi chụp thông qua DICOM Worklist. - Truy vấn tự động tìm kiếm máy chủ Worklist ở mọi khoảng thời gian được chỉ định, tạo điều kiện để xử lý các công việc mới được thêm vào một cách nhanh chóng và hiệu quả. - Hiển thị hình ảnh thu được trong một khoảng thời gian 								
--	--	---	--	--	--	--	--	--	--	--

4	Nồi hấp tiệt trùng (350L)	SA 600A	<p>Cấu hình chuẩn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 01 Máy chính - 01 Khay đựng dụng cụ Inox 304 - Có chức năng sấy khô tự động - 01 Tài liệu HDSĐ tiếng Anh – tiếng Việt <p><u>Đặc điểm:</u> Pointer Series là dòng nồi hấp tiệt trùng kiểm soát áp suất, hoạt động tự động có các đặc điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy tạo hơi nước độc lập - Phạm vi sử dụng rộng rãi - Bộ điều khiển chi báo mực nước (Option) - Buồng hấp, Giá đỡ, Cửa, Chân hỗ trợ, Máy tạo hơi nước, chất liệu bằng thép không gỉ - Thiết kế nồi hấp 2 vách buồng - Chương trình nung sơ bộ <p><u>Các thông số kỹ thuật:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Dung tích buồng (Lít/khoảng): 350 lít - Tổng kích thước (mm): 800 (rộng) x 1700 (cao) x 1475 (sâu) <p>Kết cấu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Buồng: Thép không gỉ #304, Tiêu chuẩn - Kích thước buồng: Ø 610 mm x 1200 (sâu), mm - Nguồn điện cung cấp: 230V hoặc 380V, 1 pha hoặc 3 pha 50/60 Hz - Áp suất tiệt trùng (bar): 0.9~2.1 bar - Hệ thống điều khiển: Điều khiển áp suất cơ học - Loại bỏ khí: Trọng lực - Thời gian tiệt trùng: 0-60 phút - Thời gian sấy khô: 0-60 phút - Chức năng sấy khô tự động: Có - Hiển thị áp suất buồng, vỏ buồng: Đồng hồ - Hệ thống châm nước: Bằng tay - Chỉ báo nhiệt độ: Đồng hồ - Chỉ báo áp suất: Đồng hồ - Chỉ báo tiến độ, Chỉ báo nguồn: Có - Dạng buồng hấp tiệt trùng: hình trụ - Công suất gia nhiệt: 12 KW 50/60 Hz 230V / 380V / 3 pha 	Sturdy Industrial Co., Ltd	Đài loan				01			

III . Yêu cầu khác:

- Hướng dẫn bằng tiếng Việt và tiếng Anh
- Bảo hành 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu thiết bị.
- Lắp đặt theo yêu cầu của đơn vị sử dụng.
- Đào tạo/tập huấn; sử dụng thiết bị; một số thao tác bảo trì, bảo dưỡng và xử lý sự cố cơ bản.
- Cung cấp phụ tùng thay thế và vật tư tiêu hao ít nhất 10 năm.
- Thời gian cung cấp thiết bị: 60 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- Bảng phân loại thiết bị, giấy phép nhập khẩu.